

NHÓM TRÍ THỨC VIỆT
Biên soạn

Việt Nam
Đất nước - Con người

NHỮNG Nhà Bác Học NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ

Việt Nam



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

***Những nhà bác học nổi tiếng
trong lịch sử Việt Nam***

TỦ SÁCH 'VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI'



NHỮNG NHÀ BÁC HỌC NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

NHÓM 'TRÍ THỨC VIỆT
(Tuyển chọn)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Lời nói đầu

Đây là một cuốn trong bộ sách **Việt Nam - Đất nước con người** gồm nhiều cuốn về các chủ đề khác nhau. Trong cuốn sách này tinh chọn 18 nhà bác học xuất sắc ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong lịch sử từ cổ chí kim. Những gương mặt các nhà bác học ưu tú, đại diện cho tài năng và đạo đức của dân tộc ta, những tấm gương về sự uyên bác, được thừa nhận là có sức ảnh hưởng lớn đến sự hình thành và phát triển của bộ môn khoa học mà họ đeo đuổi và ở họ, dù trong hoàn cảnh nào của xã hội cũng ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ.

Chúng tôi cố gắng tránh sự trùng lặp với các danh nhân đã được giới thiệu trước đây, tuy vậy có một vài trường hợp bất khả kháng nếu không nêu tên như một nhà bác học lỗi lạc, ví dụ **Trạng Lường Lương Thế Vinh** hay **Lê Quý Đôn**, tuy nhiên, ở đây chúng tôi tiếp cận họ từ góc độ nhà bác học với những thành công của họ trong việc xây dựng nên cơ sở của một ngành khoa học.

Tất nhiên còn nhiều người khác nữa cũng có công lớn với nền khoa học Việt Nam, nhưng vì khuôn khổ sách có hạn, chúng tôi chỉ chọn những người, theo đánh giá chủ quan của mình, xứng đáng là đại diện tiêu biểu cho giới khoa học của nước nhà.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn “**Những nhà bác học nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam**” với các độc giả.

NHÓM TUYỂN CHỌN

ĐẠI DANH Y TUỆ TĨNH

Tuệ Tĩnh chính tên là Nguyễn Bá Tĩnh, biệt hiệu là Hồng Nghĩa, pháp hiệu (theo tên gọi của nhà chùa) là Tuệ Tĩnh. Ông sinh ra ở làng Nghĩa Phú (tục gọi là làng Xưa), thuộc tổng Văn Thai, huyện Cẩm Giàng (gần Kê Sặt), phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương - nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Thôn này ở cách ga Cao Xá trên đường sắt Hà Nội - Hải Phòng 1,5 km và cách tỉnh lỵ Hải Dương hơn 10 km.

Vì sinh ở làng Nghĩa Phú, phủ Thượng Hồng, nên Tuệ Tĩnh đặt biệt hiệu là Hồng Nghĩa. Vì thế mà sau này ông có tác phẩm “Hồng Nghĩa giác tư y thư”, và cuốn “Nam Dược Thần Hiệu”, là hai tác phẩm quý giá còn để lại cho chúng ta đến hôm nay.

Về năm sinh của Tuệ Tĩnh cho đến nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Về thanh danh của Tuệ Tĩnh, các tài liệu cũng chưa thống nhất. Tương truyền, Tuệ Tĩnh là một nhà sư thông minh lỗi lạc, thi đậu Đệ nhị giáp tiến sĩ, tức Hoàng giáp, và lại giỏi thuốc trị bệnh nên bị bắt đi cống cho nhà Minh. Ở Trung Quốc, Tuệ Tĩnh đã chữa cho Tống Vương Phi (vợ vua Minh) khỏi bệnh sản hậu nên được phong là “Đại Y Thiên Sư”. Hiện nay ở các đền thờ ông, có các câu đối ngụ ý về các sự tích đó. Thí dụ ở đền bia làng Văn Thai có câu:

Hoàng giáp phương danh đằng Bắc địa,

Thánh sư diệu dược trấn Nam Bang.

Được tạm dịch như sau:

Thi đậu Hoàng giáp tiếng lừng Trung Quốc

Chữa bệnh thần diệu tài quán Nam Bang.

Nhưng theo cuốn: "Hải Dương phong vật chí" (A.882 Fo 76b của Thư viện Khoa học) chép: "Tuệ Tĩnh tiên sinh, thầy thuốc danh tiếng ở xã Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng, chuyên dùng thuốc nam chữa bệnh rất công hiệu, có chép các tập dược tính chỉ nam và 13 phương gia giảm truyền lại đời sau".

Sử sách còn chép lại rằng: Lúc Tuệ Tĩnh lên sáu tuổi thì cha mẹ đều mất, vì mồ côi nên ông được một hoà thượng chùa Hải Triều ở Yên Trang (sau này gọi là chùa Nghiêm Quang, tức chùa Giám, thuộc xã Tân Sơn, huyện Cẩm Bình) đem về nuôi dạy. Năm lên 10 tuổi, ông đã được sư cụ chùa Giao Thủy, ở Sơn Nam (Nam Định) đưa về cho học với các nhà sư trong chùa Dĩnh Nhuệ. Ở chùa này, ông có pháp danh là Tiểu Huệ, biệt danh là Tuệ Tĩnh. Ông được nhà chùa cho học chữ và học nghề thuốc để giúp việc chữa bệnh cho dân nghèo trong xã, huyện. Năm 22 tuổi, Tuệ Tĩnh đi thi Hương và đỗ nhất bảng, nhưng ông không ra làm quan mà vẫn ở lại chùa tiếp tục việc chữa bệnh, lấy pháp hiệu Tuệ Tĩnh cũng từ đó. Năm 30 tuổi, Tuệ Tĩnh trở về chùa Yên Trang làm sư trụ trì, tu sửa lại chùa và nhiều chùa khác trong huyện. Năm 45 tuổi, Tuệ Tĩnh đi thi Đình và đỗ Hoàng giáp. Năm 55 tuổi, ông bị bắt đi sứ sang Trung Quốc, được Minh triều giữ lại làm việc ở Viện Thái y, rồi mất tại tỉnh Giang Nam (không rõ tại huyện, xã nào ở tỉnh này?).

Về sự nghiệp y học của Tuệ Tĩnh, ông đã soạn các sách "Dược tính chỉ nam" và "Thập tam phương gia

giảm"... những bản nguyên tác của ông nay không còn trọn vẹn, do vào cuối thế kỷ XIV, giặc ngoại xâm sang xâm chiếm nước ta, chúng đã phá hủy nhiều thư tịch lớn. Những bản hiện còn do người đời sau ghi chép qua truyền khẩu dân gian như: "Nam Dược Thần Hiệu" do Hoà thượng Bản Lai chùa Hồng Phúc (ở Hòe Nhai, Hàng Than, Hà Nội) biên tập, bổ sung vào năm Tân Tỵ cách đây đúng 240 năm (1761-2001).

"Nam dược chính bản", do triều đình Lê Dụ Tông biên tập (sau đổi tên sách là "Hồng Nghĩa giác tư y thư") và được in vào năm Ất Dậu (1717) gồm: "Quyển thượng và quyển hạ".

Trong cuốn "Hồng Nghĩa giác tư y thư", Nhà xuất bản Y học, Hà Nội - 1978, lại chép: sách "Hồng Nghĩa giác tư y thư" do Y viện triều Lê Dụ Tông xuất bản năm Quý Mão (1723).

Quyển Thượng: "Nam Dược Quốc Ngữ Phú" gồm 590 tên vị thuốc nam và "Trực giải chỉ nam dược tính phú" gồm đặc tính của 220 vị thuốc nam. Quyển Hạ: "Y luận", là sách viết về các lý luận từ âm dương ngũ hành sinh hóa vào con người trong tiết khí bốn mùa, sự ảnh hưởng vào bệnh tật, cách điều trị lâm sàng. Và "Thập tam phương gia giảm" phụ "Bổ âm đơn và dược tính phú" bằng chữ Hán. Là sách hướng dẫn gia, giảm khi dùng thuốc chữa bệnh.

Cuốn "Nam Dược Thần Hiệu" của Tuệ Tĩnh, được Nhà xuất bản Y học, in lần thứ hai vào năm 1972. Bộ này gồm 11 quyển: Quyển đầu nói về dược tính của 119 vị thuốc nam. Mười quyển sau, mỗi quyển nói về một khoa trị bệnh...

Còn cuốn: "Hồng Nghĩa giác tư y thư" của ông, được Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, in năm 1978 gồm chín phần lớn (chưa kể lời giới thiệu của nhà xuất bản và lời tựa của các quân y Viện triều Lê Dụ Tông, dày 319 trang). Cả hai bộ sách này của Tuệ Tĩnh đều có ảnh hưởng rất sâu rộng trong y gia Việt Nam, mà cho đến hôm nay, vấn đề lý luận và thực tiễn vẫn luôn được thừa kế phát triển và phổ biến. Nhất là cuốn "Nam Dược Thần Hiệu" của ông, nhiều thầy thuốc từ trước đến giờ, vẫn theo phương pháp trị liệu của Tuệ Tĩnh để chữa bệnh rất hiệu quả, mà Hải Thượng Lãn Ông - Lê Hữu Trác - là một bậc Đại y tôn, cũng chịu ảnh hưởng của Tuệ Tĩnh trong công việc biên soạn quyển "Lĩnh Nam本草"...

Có thể nói: Tuệ Tĩnh là một danh y Việt Nam đã mở đường cho sự nghiên cứu thuốc nam, xây dựng nền móng cho Y học dân tộc của nước nhà. Ông đã tổng hợp và để lại những bài thuốc kinh nghiệm quý báu cho một số khá nhiều bệnh tật. Đó là một tài liệu có giá trị lớn cho sự thừa kế và phát huy vốn cũ y dược của nhân dân ta, thật là một cống hiến rất lớn của ông. Và cũng chính do gây dựng được phong trào trồng cây thuốc trong gia đình để tự chữa bệnh, nhờ vậy mà năm 1533, với cây thuốc sẵn có mà dân chúng thoát khỏi bệnh sốt rét hoành hành, hay dịch tả tại Thái Nguyên năm Giáp Tuất (1574)...

[Tuệ Tĩnh còn tập hợp những bài thuốc chữa bệnh cho gia súc. Có thể nói, ông đã góp phần đặt cơ sở cho ngành thú y dân tộc.

Nhiều thế kỷ qua, Tuệ Tĩnh được tôn là vị thánh

thuốc Việt Nam. Tại Hải Dương, còn đền thờ ông ở xã Cẩm Văn, Cẩm Vũ, ở chùa Hải Triều làng Yên Trung, nay là chùa Giám, xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Giàng, có tượng Tuệ Tĩnh. Câu đối thờ ông ở đền Bia viết, dịch nghĩa như sau:

*Mở rộng phương Tiên, công tế thế cao bằng Thái
lĩnh*

*Sống nhờ của Phật, ơn cứu người rộng tựa Cẩm
Giàng.*^(*)

Nguyễn Duy Cách

^(*) Đoạn trong ngoặc [...] do NBS thêm vào.

VŨ HỮU - NHÀ TOÁN HỌC ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM

Vũ Hữu (1437-1530) là một nhà toán học người Việt, và cũng là một danh thần dưới triều đại Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông. Ông còn được coi là nhà toán học đầu tiên của Việt Nam.

Ông người làng Mộ Trạch, tổng Thì Cừ, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương, nay là làng Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ông là người đỗ tiến sĩ đầu tiên của làng Mộ Trạch dưới triều Lê Sơ, là con thứ ba của cụ Vũ Bá Khiêm, thuộc đời thứ 5 họ Vũ làng Mộ Trạch. Theo sách gia phả họ Vũ ở làng Mộ Trạch ghi lại thì Vũ Hữu sinh năm 1443 (một số tài liệu ghi Vũ Hữu sinh năm 1437). Ông có em ruột là Vũ Phong, một Đô lực sĩ, làm võ quan đến chức Cẩm y vệ úy ty chỉ huy sứ thời vua Lê Thánh Tông, dân gian tôn là Trạng Vật. Ngoài ra, dòng tộc ông về sau nhiều đời đỗ đạt, Vũ Hữu là bác của Vũ Đôn, cao tổ của Vũ Lương, tăng tổ của Vũ Đình Lân, viên tổ của Vũ Đình Thiệu, Vũ Đình Ân, v.v. đều là những bậc khoa bảng vang danh cả.

Thuở nhỏ, ông không được đi học vì nhà nghèo, nhưng Vũ Hữu đã sớm bộc lộ trí thông minh bẩm tiệp, tư chất tinh anh. Khi ông còn bé, dân làng Mộ Trạch muốn sửa sang mới ngôi đình bị dột nát, các bô lão trong làng lúng túng chẳng biết tính toán làm sao để có thể hoàn thành ngôi đình. Vũ Hữu chỉ cần nhìn qua ngôi đình, lấy que vạch lên đất tính toán, một lát đã xong.

Toán thợ làm y theo cách cậu vẽ, quả nhiên đúng khớp cả. Mọi người ngạc nhiên, cho Vũ Hữu là thần đồng. Từ đó họ góp tiền nuôi cậu ăn học.

Tài tính toán nhanh và chính xác của cậu, cùng với lập luận khoa học sắc bén đã làm sáng tỏ những vụ việc tranh chấp, kiện tụng giữa dân làng tưởng chừng như bế tắc, không manh mối. Hơn thế nữa, với những phương pháp sáng tạo vượt trước thời đại, cậu đã biết ứng dụng các phép đo lường phức tạp, mà mãi về sau này, con người mới tìm ra nguyên lý và phổ biến rộng rãi.

Tuy là nhà nho, nhưng Vũ Hữu lại khác người. Ông đặc biệt say mê môn toán pháp. Ông ra sức vận động đưa toán học vào việc thi cử nhưng không được nhà vua chấp thuận.

Ông hệ thống hoá những thành tựu về hình học và số học đương thời, viết thành quyển *Lập Thành Toán Pháp* chỉ dẫn cách chia cụ thể và chính xác về cách chia ruộng đất, xây dựng nhà cửa, thành lũy... Các phép đo ruộng đất được tính theo đơn vị mẫu, sào, thước (24 mét vuông) và tấc (1/10 thước). Đây là quyển sách toán học cổ nhất nước ta, nay không còn.

Năm Quý Mùi (năm 1463) đời vua Lê Thánh Tông, ông đỗ Hoàng giáp khi mới 20 tuổi, ông làm quan đến chức Thượng thư Bộ hộ. Bia khoa Quý Mùi hiện còn ở Văn Miếu Quốc Tử giám Hà Nội, có tên ông.

Đời vua Lê Thánh Tông, ở kinh đô Thăng Long, các cửa Đoan Môn, Đại Hưng, Đông Hoà của kinh thành xây từ đời Lý, bị sụt lở quá nhiều. Triều đình nghị bàn tu sửa lại. Vua sai Vũ Hữu truớc tính nguyên vật liệu và nhân công cần

thiết. Ông đến từng cửa thành, đo đạc chiều cao thấp, rộng hẹp, lập phép tính mọi thứ cần thiết, đôn đốc thi công. Tu sửa xong, số nguyên vật liệu, nhân công mà ông trừ tính coi như vừa đủ. Mọi người đều phục tài. Nhà vua khen tài tính toán của ông, thưởng cho 100 mẫu ruộng ở tào vệ Nam Xương, phong ông là Trạng toán.

Thế kỷ 15, dưới triều vua Lê Thánh Tông, đã đồng thời xuất hiện hai nhà toán học lỗi lạc, đều viết sách để lại cho đời. Tiếc thay, tác phẩm *Lập Thành Toán Pháp* của Vũ Hữu đến nay vẫn chưa tìm ra.

Tuy làm quan, nhưng Vũ Hữu luôn giữ mình trong sạch, thanh liêm, cứng cỏi, cuộc sống gia đình cần kiệm. Ngày ông đỗ Hoàng giáp, theo hương ước của làng Mộ Trạch quy định: Hễ ai đỗ đại khoa, dân làng góp tiền mừng con lợn, người đỗ đạt phải khao làng một con trâu. Nhà nghèo, Vũ Hữu buộc phải mua trâu để khao làng mà không có tiền để mua trâu cày cho gia đình. Bài thơ tự thuật của ông có câu:

Nhậm nhậm chu thân quan lịch tiến

Tế ngư thường hữu, phạp ngư canh

Nghĩa là:

Nhận nhiệm nhiều năm quan thường tiến

Trâu khao thì có, chẳng trâu cày

Vũ Hữu làm quan qua 7 đời vua triều Lê sơ: Lê Thánh Tông (1460-1497); Lê Hiến Tông (1497-1504); Lê Duệ Tông (1504-1505); Lê Uy Mục (1505-1510); Lê Tương Dực (1510-1516); Lê Chiêu Tông (1516-1522); Lê Cung Hoàng (1522-1527). Ông có 5 con và cháu ruột đỗ tiến sĩ, cùng được khắc tên ở Văn miếu Mao Điền (Hải

Dương) và Văn Miếu Quốc Tử Giám (Hà Nội).

Ngoài 70 tuổi, ông cáo quan xin về hưu, làm nhà đặt tên là Phượng Tri am. Ông được tặng phong là Thái bảo. Năm 1527, vua Lê Cung Hoàng tin nhiệm ông làm Nguyên lão đại thần, cử ông cùng với Phan Đình Tá mang cờ tiết, kim sách, mũ áo thêu rồng đen, dát đai ngọc, kiệu tía đến Cổ Trai tấn phong tước vương cho Mạc Đăng Dung.

Khi nhà Mạc thay ngôi vua nhà Lê, ông vẫn được triều đình vời làm quan. Năm Canh Dậu (năm 1530) ông mất, thọ 93 tuổi.

Ông được thờ tại nhà thờ Hiển Đức Đường, phần mộ còn tại xứ Mả Miếu (Mộ Trạch).

Cháu ông là Lê Quang Bí, một văn thần nổi tiếng đời nhà Mạc, đã có đề thơ vịnh rằng:

Hào kiệt do sơ tiến sĩ khoa
Viết cần, viết thận, viết vô sa.
Chữ thảo diệt chí công năng trứ
Đồng liệt hàm suy đức nghiệp gia
Đường tướng thủ văn khâm Tổng Cảnh
Tấn triều bác vật tiệp Trương Khoa
Môn đình thanh tử tương huy ánh
Dư khánh tông tri tích thiện gia.

Dịch là:

Hào kiệt nguyên trong tiến sĩ khoa - Chữ cần, chữ thận chẳng sai qua, Tì tào thử khắp tài năng rõ - Liều hào suy tôn đức nghiệp già. Đường tướng thủ văn so Tổng Cảnh - Tấn triều bác vật sách Trương Hoa - Môn

đình rực rỡ màu xanh tía - Tích thiện cho hay bởi những nhà.

*

* *

Tích trạng:

Cái cân bằng nước

Lần nọ, Vũ Hữu được bố cho theo cùng, sang thăm ông bạn ở làng bên. Gặp nhau, hai ông ngồi trên bộ ván, vừa hút thuốc vừa hàn huyên tâm sự, còn lũ trẻ cũng nhanh chóng nhập cuộc, bày trò ngoài sân...

Người bạn vốn có chiếc điều bát rất đẹp, men sứ xanh lam, lại khảm bạc chạm trổ hình rồng mây bao quanh, quả là độc nhất vô nhị, nổi tiếng khắp vùng. Châm vè thuốc ở nỏ, rít một hơi dài rồi phả khói ra đầy vẻ sảng khoái, ông Khiêm nói:

Chiếc điều bát này đẹp tuyệt, tiếc nỡ nỏ điều bằng đồng, chứ bằng bạc tốt thì hoàn hảo lắm!"

Ông bạn nghe nói, phân trần ngay:

"Đúng thế đấy! Tôi đã định nhờ thợ đúc chiếc nỏ bạc, khổ nỡ không biết phân lượng bao nhiêu để giao cho đúng số bạc cho thợ..." Rồi như chợt nghĩ ra, ông tiếp: "À mà này! Tôi nghe đồn thằng bé Hữu có tài tính toán giỏi lắm, hay ta hỏi nó thử xem..."

Được gọi vào, Hữu lắng nghe bố bạn giải thích, rồi cầm chiếc nỏ ông rút từ điều bát đưa cho, cậu mân mê, ngắm nghía mãi vẫn không tìm ra cách cân đo.

"Uống chén trà cho tỉnh táo đã cháu, rồi từ tốn suy nghĩ..."

Cầm tách trà nóng, đầu óc vẫn nghĩ ngợi miên man, Vũ Hữu vô tình làm nước trong tách sóng sánh, văng bắn cả vào tay. Cậu giật mình nhìn lại tách trà, chợt nảy ra phát kiến liền reo lên: “Cháu tính được rồi!!!”

Hai người bạn già hết sức ngạc nhiên, trố mắt ra nhìn, chẳng hiểu gì cả...

Vũ Hữu đặt tách trà lên một chiếc đĩa khô, với lấy ấm rót thêm cho đầy ấp, tưởng chừng như dư một giọt là đổ ra ngoài. Đoạn cậu cầm chiếc nỏ điều, từ từ bỏ vào trong tách, nước tràn ngay xuống đĩa... Bỏ tách ra khỏi đĩa rồi rót số nước tràn ở đĩa vào một cái tách khác, cậu giờ lên nói:

“Đây ạ! Khối lượng bạc để đúc chiếc nỏ bằng đúng khối lượng nước chứa trong tách này!”

Bằng con đường suy luận, sáng tạo độc đáo, cậu bé Vũ Hữu, ngay từ thế kỉ XV, đã tìm ra phương pháp tính thể tích của những vật khó đo lường, như chiếc nỏ điều chẳng hạn, đã khiến cha ông phải trầm trồ thoảng thốt:

“Quả nhiên “Hậu sinh khả úy”... xứng danh là “Thần đồng toán học” kì tài trong thiên hạ.”

Thiếu một viên, thừa một viên

“Sao lại thế này? Cả tháng trời rồi mà các khanh vẫn không dự toán chính xác số gạch để sửa cổng thành ư? Trầm thất vọng quá đấy!” - Vua Lê Thánh Tông vỗ Long án, vẻ không hài lòng sau khi đọc qua mấy tờ tấu chương, mỗi tờ nêu một số liệu khác nhau... Các đại thần, nhất là Thượng thư cho đến Lang trung bộ Công đều cúi mặt, bối rối. Rồi chợt nhớ ra, vua phán:

“Trầm vẫn thường nghe Khâm Hình viện Lang trung